TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2026/HS-ST
Ngày: 13-01-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Quyết Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Cúc và ông Huỳnh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Ngọc Thúy - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2026, tại phòng xét xử số C, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 197/2025/TLST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2025/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Như K, sinh năm 1979 tại tỉnh Lâm Đồng, số CCCD: 06807904223. Nơi đăng ký thường trú: Số B đường Đ, ấp H, xã H, tỉnh Đồng Nai. Nơi cư trú hiện nay: Thôn L, xã K, tỉnh Lâm Đồng. Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1956 và con bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1956; Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con lớn thứ nhất; có vợ tên Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1985 và có 05 con, con lớn nhất sinh năm 2009 và con nhỏ nhất sinh năm 2023.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 30/11/2021, Nguyễn Như K bị TAND huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo bản án hình sự sơ thẩm số 232/2021/HS-ST (bị cáo K đã được xóa án tích).

Bị bắt tạm giam từ ngày 20 tháng 8 năm 2025 theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 3780/LTG-ĐTTH ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Cơ quan Cảnh sát điều

tra Công an tỉnh Đ. Hiện bị cáo K đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Vũ Ngọc T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp L, xã H, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Vũ Ngọc T là Công ty L1.

Người được Công ty Luật Giang Nam 3V phân công bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là:

- Luật sư Phạm Quốc V, sinh năm 1977 - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B (nay là tỉnh Lâm Đồng).

2. Bà Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số nhà C thôn L, xã K, tỉnh Lâm Đồng.

- Người làm chứng:

+ Ông Kiều Quang H, sinh năm 1963;

Nơi cư trú: Ấp L, xã H, tỉnh Đồng Nai.

+ Ông Lê Quang H1, sinh năm 1994;

Nơi cư trú: Ấp H, xã H, tỉnh Đồng Nai.

+ Ông Lê Quang Q, sinh năm 1994;

Nơi cư trú: Ấp H, xã H, tỉnh Đồng Nai.

+ Bà Nguyễn Thị Thanh H2, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp Q, xã H, tỉnh Đồng Nai.

(Bị cáo có mặt; Luật sư V có mặt; bà D có mặt; những người tham gia tố tụng khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Như K quen biết với anh Vũ Ngọc T, sinh năm 1994, trú tại ấp L, xã H, tỉnh Đồng Nai.

Khoảng cuối năm 2020, K thế chấp 01 chiếc xe ô tô, hiệu Kia Sportage, biển số 49A-126.84 để vay anh T số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 15.000.000 đồng/tháng. Đến khoảng đầu tháng 01/2021, do cần vốn để kinh doanh trại heo

nên K thỏa thuận vay anh T số tiền 2.500.000.000 đồng, lãi suất là 150.000.000 đồng/tháng (tương đương 6%), thời gian vay không giới hạn, với điều kiện K phải thế chấp trại heo của K cho anh T (bằng cách ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 51, tờ bản đồ số 9, địa chỉ tại xã H, tỉnh Đồng Nai cho anh T, đến khi K trả hết nợ sẽ hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên, còn nếu K không trả lãi 02 tháng liên tục thì anh T sẽ sang tên thửa đất trên). Do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi tắt là Giấy CNQSDĐ) của thửa đất trên K đã thế chấp tại ngân hàng B1 Chi nhánh N để vay tiền nên K đã nảy sinh ý định mua Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CQ 579861 của thửa đất số 51, tờ bản đồ số 9 nêu trên để ký hợp đồng chuyển nhượng cho anh T.

K lên mạng thấy có trang Facebook (không nhớ tên Facebook và số điện thoại) đăng quảng cáo làm Giấy CNQSDĐ giả. K sử dụng điện thoại di động IPhone 5 liên hệ với người bán qua ứng dụng tin nhắn Messenger để đặt mua 02 Giấy CNQSDĐ có thông tin giống với Giấy CNQSDĐ số CQ 579861 với giá 8.000.000 đồng. Sau đó, K nhận được 02 Giấy CNQSDĐ số CQ 579861 (sổ giả) do người giao hàng (không rõ nhân thân, lai lịch) chuyển đến, K trả 8.000.000 đồng tiền mặt cho người giao hàng và cất giữ 02 Giấy CNQSDĐ trên tại nhà. (01 Giấy CNQSDĐ giả K đã sử dụng để thế chấp vay tiền của bà Hoàng Thị Hồng V1 và đã bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xử phạt 01 năm tù, cho hưởng án treo về hành vi Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức).

Vào ngày 18/01/2021, K cùng vợ là bà Nguyễn Thị Hồng D đến nhà anh T để vay tiền. Tại đây, anh T đưa cho K số tiền 600.000.000 đồng tiền mặt, có sự chứng kiến của bác anh T là ông Kiều Quang H (sinh năm 1963, trú tại ấp L, xã H, tỉnh Đồng Nai). Sau đó, K và anh T ký hợp đồng đặt cọc mua, bán thửa đất số 51, tờ bản đồ số 9, nội dung thể hiện anh T đã đặt cọc cho K số tiền 600.000.000 đồng, ông Kiều Quang H ký người làm chứng.

Đến ngày 23/01/2021, K cầm Giấy CNQSDĐ giả đi cùng bà D, anh T và ông H đến Văn phòng C, địa chỉ tại xã H, tỉnh Đồng Nai để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng chưa công chứng được do thiếu giấy tờ. Đến ngày 25/01/2021, các bên quay lại Văn phòng C để chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Sau đó, các bên đi về nhà anh T, tại đây anh T đưa cho K số tiền 1.400.000.000 đồng tiền mặt (do giữa K và anh T thỏa thuận là anh Thạch T1 luôn số tiền 500.000.000 đồng mà K vay trước đó bằng việc thế chấp xe ô tô KIA Sportage, biển số 49A-126.84). Sau đó, K chở bà D về nhà rồi đi vào nhà bà ngoại vợ của anh T để lấy xe ô tô về. K có gọi anh Lê Quang Q (sinh năm 1994 là chủ Garage "1ST Car Care" tại địa chỉ QL A, xã T, tỉnh Đồng Nai) đến chạy xe về Garage sửa cho K. Thực tế số tiền K nhận được từ anh T là 2.000.000.000 đồng bằng việc thế chấp thửa đất số 51, tờ bản đồ số 9.

Sau khi vay tiền anh T, K đã đóng tiền lãi như sau: Ngày 24/3/2021, K chuyển khoản số tiền 26.800.000 đồng; ngày 08/4/2021 chuyển khoản 90.000.000 đồng; ngày 17/4/2021 chuyển khoản 30.000.000 đồng; ngày 09/7/2021 chuyển khoản 50.000.000 đồng từ tài khoản M số 4280188888868 tên Nguyễn Như K đến tài khoản S số 050101539366 tên Vũ Ngọc T. Trong tháng 5/2021, K trả tiền mặt cho anh T là 125.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền lãi K đã trả cho anh T là 321.800.000 đồng.

Đến đầu tháng 01/2022, do nhiều tháng K không trả tiền lãi nên anh T làm thủ tục sang tên thửa đất thì phát hiện Giấy CNQSDĐ số CQ 579681 là giả nên liên hệ với K để đòi lại số tiền 2.500.000.000 đồng. Ngày 16/01/2021, K vay 300.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Thanh H2 (sinh năm 1964, địa chỉ ấp Q, xã H, tỉnh Đồng Nai) để trả cho anh T. Ngày 26/01/2021, K chuyển khoản 02 lần, mỗi lần 300.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng M số 4280188888868 tên Nguyễn Như K đến tài khoản S số 050101539366 của anh T (tổng cộng 600.000.000 đồng). Ngày 23/3/2022, K vay 600.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Thanh H2 để trả cho anh T. Cùng ngày 23/3/2022, K chuyển khoản 100.000.000 đồng vào tài khoản S số 050101539366 của anh T. Ngày 24/3/2022 K chuyển khoản 65.000.000 đồng và 35.000.000 đồng vào tài khoản S số 050101539366 của anh T. Đến ngày 24/3/2022, K đã trả được 1.700.000.000 đồng tiền gốc cho anh T.

Thời điểm này, K đang nợ tiền bà Nguyễn Thị Thanh H2 hơn 6.000.000.000 đồng (không rõ số tiền cụ thể) và không còn khả năng trả nợ nên K và bà H2 thỏa thuận rằng bà H2 sẽ mua lại các tài sản của K đang thế chấp ngân hàng B1 trong đó có thửa đất số 51, tờ bản đồ số 9 để trừ nợ. Đến ngày 01/4/2022, bà H2 đi cùng K đến ngân hàng B1 Chi nhánh N để tất toán khoản vay của K tại ngân hàng với số tiền khoảng 10.000.000.000 đồng, sau đó Ngân hàng trả lại các Giấy CNQSDĐ cho K để ký hợp đồng chuyển nhượng 04 thửa đất số 51, 54, 55 và 57, tờ bản đồ số 9, địa chỉ tại xã H, tỉnh Đồng Nai cho bà H2. Đến ngày 06/4/2022, bà H2 đã làm thủ tục sang tên các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho bà H2.

Thực tế, khi K sang tên các thửa đất trên cho bà H2 thì K không nhận được khoản tiền nào vì đã được trừ hết vào khoản nợ của K với bà H2. Đến ngày 15/4/2022, anh T biết K đã bán thửa đất số 51, tờ bản đồ số 9 cho bà H2 nên liên hệ K để đòi lại toàn bộ số tiền gốc K còn nợ anh T là 800.000.000 đồng. Ngày 15/8/2022, K ra ngân hàng A ở thành phố Hồ Chí Minh (không nhớ chi nhánh nào) để nộp tiền mặt 80.000.000 đồng (03 lần 25.000.000 đồng và 01 lần 5.000.000 đồng) vào tài khoản ngân hàng S số 94999999999 của anh T. Ngày 20/9/2022, K ra ngân hàng A ở thành phố Hồ Chí Minh (không nhớ chi nhánh nào) để nộp tiền mặt 70.000.000 đồng vào tài khoản S số 94999999999 của anh T. Ngày 01/11/2022 và 27/12/2022, K nhờ chị Nguyễn Như Ý (em ruột K) chuyển

khoản 20.000.000 đồng (02 ngày là 40.000.000 đồng) từ tài khoản ngân hàng V2 số 101868772438 tên Nguyễn Như Ý đến tài khoản ngân hàng S số 94999999999 của anh T. Đến nay, K đã trả cho anh Vũ Ngọc T tổng số tiền là 2.211.800.000 đồng (trong 2.211.800.000 đồng, gồm: Tiền gốc 1.890.000.000 đồng, tiền lãi 321.800.000 đồng).

Đến ngày 20 tháng 8 năm 2025, Cơ quan Công an tỉnh Đ đã khởi tố và bắt giữ Nguyễn Như K để điều tra về hành vi "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Quá trình điều tra, Nguyễn Như K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Vật chứng thu giữ:

- 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 579861 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 14/12/2018 mang tên Trần Quang T2, thửa đất số 51, tờ bản đồ số 9, địa chỉ: xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- 01 hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bên chuyển nhượng: ông Nguyễn Như K và bà Nguyễn Thị Hồng D, bên nhận chuyển nhượng: anh Vũ Ngọc T chuyển nhượng thửa đất số 51, tờ bản đồ số 9, địa chỉ: xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai công chứng tại Văn phòng C vào ngày 23/01/2021.

- 01 hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 18/01/2021, bên bán: ông Nguyễn Như K, bên mua: anh Vũ Ngọc T, người làm chứng: ông Kiều Quang H chuyển nhượng thửa đất số 51, tờ bản đồ số 9, địa chỉ: xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- 01 hợp đồng thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp là thửa đất số 51, tờ bản đồ số 9, bên cho thuê: anh Vũ Ngọc T, bên thuê: ông Nguyễn Như K.

- Số tiền 30.000.000 đồng do bà Nguyễn Thị Hồng D giao nộp.

Tại Bản kết luận giám định số 2587/KL-KTHS ngày 08/01/2024 của Phòng K1 (PC09) Công an tỉnh Đ, kết luận:

- Hình dấu tròn Sở T - Tỉnh Đồng Nai trên tài liệu mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với hình dấu tròn Sở T - Tỉnh Đồng Nai trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M5) không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký mang tên Trần Hữu P trên tài liệu mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký mang tên Trần Hữu P trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M6 đến M10) không phải do cùng một người ký ra.

Tại Bản kết luận giám định số 99/KL-KTHS ngày 19/3/2024 của Phòng K1 (PC09) Công an tỉnh Đ, kết luận:

- Chữ ký và chữ viết mang tên Nguyễn Như K, Nguyễn Thị Hồng D trên các tài liệu mẫu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A3) so với chữ ký và chữ viết mang tên Nguyễn Như K, Nguyễn Thị Hồng D tương ứng trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) do cùng một người ký và viết ra.

- Điểm chỉ vân tay (đánh số 1-2, 5) mang tên Nguyễn Như K trên các tài liệu mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A3) so với điểm chỉ vân tay ngón trỏ trái – ngón trỏ phải trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M3) là điểm chỉ vân tay do cùng một người in ra.

- Điểm chỉ vân tay (đánh số 3 - 4) mang tên Nguyễn Thị Hồng D trên các tài liệu mẫu cần giám định (ký hiệu A1) so với điểm chỉ vân tay ngón trỏ trái – ngón trỏ phải trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M4) là điểm chỉ vân tay do cùng một người in ra.

Tại Bản kết luận giám định số 119/KL-KTHS ngày 04/02/2025 của Phòng K1 (PC09) Công an tỉnh Đ, kết luận:

- Chữ ký và chữ viết mang tên Vũ Ngọc T trên các tài liệu mẫu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A3) so với chữ ký và chữ viết mang tên Vũ Ngọc T trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) do cùng một người ký và viết ra.

- Về dân sự: Trong quá trình điều tra anh Vũ Ngọc T yêu cầu bị cáo K trả số tiền 2.110.000.000 đồng, tuy nhiên trước khi mở phiên tòa gia đình bị cáo K đã trả cho anh Vũ Ngọc T số tiền 290.000.000 đồng. Anh T đã nhận số tiền này và không yêu cầu bị cáo K phải trả tiền gì thêm.

Tại bản cáo trạng số 26/CT-VKSĐN-P2 ngày 28/10/2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai truy tố ra trước Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai để xét xử đối với bị cáo Nguyễn Như K về tội: “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

Ngày 12/12/2025, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai để điều tra bổ sung những vấn đề sau đây: Tiến hành điều tra, xác minh làm rõ hành vi của bị cáo Nguyễn Như K có dấu hiệu của tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025) hay không?

Ngày 26/12/2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã có văn bản số 875/VKS-P2 về việc giữ nguyên quan điểm truy tố đối với vụ án Nguyễn Như K về tội: “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự, như cáo trạng 26/CT-VKSĐN-P2 ngày 28/10/2025 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai đính chính về xác định tiền án của bị cáo K và xác định hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Như K đã bị xét xử ngày 30/11/2021 của TAND huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo bản án hình sự sơ thẩm số 232/2021/HS-ST (đã được xóa án tích) là về nhân thân của bị cáo K chứ không phải tiền án như cáo trạng đã nêu. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết tặng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo K thuộc trường hợp tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự như cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Như K: 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị Hồng D đã giao nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

- Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì đối với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T là Luật sư Phạm Quốc V trình bày:

Luật sư V thống nhất về tội danh và hình phạt của bị cáo K, về phần dân sự bị cáo đã trả lại cho anh T số tiền 2.500.000.000đ (hai tỷ năm trăm triệu đồng) nên anh T không yêu cầu gì thêm. Về hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo K, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong lời nói sau cùng bị cáo đã nhận thức rõ về hành vi phạm tội của mình, bị cáo xin lỗi anh K và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử cũng như tại phiên tòa, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự, các văn bản tố tụng được tống đạt hợp lệ và đầy đủ, quyền được bào chữa và tự bào chữa của bị cáo được bảo đảm. Bị cáo không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều phù hợp.

[2]. Về tội danh và hình phạt:

Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở kết luận: Vào tháng 01 năm 2021, tại xã H, tỉnh Đồng Nai, do cần tiền để kinh doanh trại heo nên Nguyễn Như K đã truy cập mạng internet đặt đối tượng (chưa rõ thông tin, lai lịch) làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 579861 đối với thửa đất 51, tờ bản đồ số 51, diện tích 4623.4 m^2, địa chỉ tại xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã H, tỉnh Đồng Nai) và sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (hợp đồng giả cách cho việc vay tiền) với anh Vũ Ngọc T tại Văn phòng C nhằm thế chấp vay số tiền 2.500.000.000 đồng của anh Vũ Ngọc T. Hành vi đặt mua Giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ579861 giả và sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng C của Nguyễn Như K đã vi phạm điểm b, khoản 2, Điều 7 của Luật Công chứng 2014. Do đó, hành vi của bị cáo Nguyễn Như K đủ yếu tố cấu thành tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy định tại khoản 1, điều 341 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn bình thường của cơ quan Nhà nước và các tổ chức khác được pháp luật bảo vệ nên cần xử phạt bị cáo hình phạt tù có thời hạn với mức đủ nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống tôn trọng pháp luật, đồng thời còn nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

[3]. Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

Về tình tiết tăng nặng: Không.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải; tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Vũ Ngọc T xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo K nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[4]. Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp:

[4.1]. Đối với số tiền 2.500.000.000đ (hai tỷ năm trăm triệu đồng) bị cáo K đã trả cho anh T toàn bộ số tiền này, anh T đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu gì thêm.

-Đối với số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị Hồng D đã giao nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai để trả tiền cho anh T, do anh T đã nhận lại đủ số tiền 2.500.000.000đ (hai tỷ năm trăm triệu đồng) và không yêu cầu gì thêm nên cần tuyên trả lại số tiền này cho bà D.

[4.2]. Về xử lý vật chứng: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 579861 (giả) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 14/12/2018 mang tên Trần Quang T2, thửa đất số 51, tờ bản đồ số 9, địa chỉ: xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai lưu vào hồ sơ vụ án.

[5]. Đối với Nguyễn Thị Hồng D (vợ K) đã có hành vi cùng bị cáo K ký tên trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 51, tờ bản đồ số 9 cho ông Vũ Ngọc T nhưng bà D hoàn toàn không biết việc K sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để thế chấp cho anh T. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra không đủ căn cứ xác định bà D đồng phạm với K về tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[6]. Về án phí: Do bị cáo K phạm tội nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

[7]. Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Các vấn đề khác:

Kiến nghị Cơ quan điều tra cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tiếp tục tiến hành điều tra, xác minh làm rõ hành vi của bị cáo Nguyễn Như K có dấu hiệu của tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" hay không?

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh và hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025).

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Như K phạm tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Như K: 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 20 tháng 8 năm 2025.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Đối với 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 579861 (giả) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 14/12/2018 mang tên Trần Quang T2, thửa đất số 51, tờ bản đồ số 9, địa chỉ: xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai lưu vào hồ sơ vụ án.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hồng D số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

(Số tiền này đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ chuyển cho Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai theo biên lai thu tiền số 0001282 ngày 04/11/2025).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Như K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- VKSND khu vực 3- Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Quyết Tâm